

Ngược dòng Thời gian
Chủ đề: Nhà Ngô Đình...
Tác giả: kim thanh/NLGO

NGÔ ĐÌNH LỆ THỦY, HỒNG NHAN MỆNH YẾU

Lời Tác giả: Thưa quý vị, quý bạn,

Gần đây, tiện nhân có đọc ba bài của chính mình, được vài vị chuyển đăng lên Mạng, về bà Ngô Đình Nhu và hai cô con gái, Ngô Đình Lệ Thủy và Ngô Đình Lệ Quyên, đều tạ thế trong tháng 4, mùa Phục Sinh, kèm theo những hình ảnh và những đoạn được người chuyển nhấn mạnh bằng màu (highlight) - không có trong nguyên bản. Sáng nay, 1 tháng 4, sau khi đi lễ mừng Chúa Phục Sinh về, lòng thanh thản, tiện nhân xin gửi lại cho quý bạn ba bản văn chính thức, cố định, đã được hiệu đính, mà tiện nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, câu văn, cũng như cách trình bày. Xin quý bạn giữ nguyên văn, khi/nếu muốn chuyển tiếp cho quý độc giả khác. Chân thành cảm tạ.

Portland, Phục Sinh 1/4/2018

KT, tức NLGO



*Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương
(Đoạn Trường Tân Thanh)*

*Mais où sont les neiges d'antan? (Villon)
(Đâu rồi những cánh tuyết năm xưa?)*

1. Niên khóa 1962-63, tôi học năm cuối của chương trình Cử Nhân Giáo khoa Pháp văn tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Còn nhớ cùng lớp lúc ấy có nhạc sĩ Hùng Lô (Hoàng Văn Hương), người dễ mến, hiền lành, như một thầy tu, thỉnh thoảng nói hứng bất tử lên ghi nốt nhạc ngay tại chỗ, trong lúc thầy giảng bài. Có bà sơ Marie-Jeanne Phạm Thị Nhâm, mà tôi thường hỏi mượn cua mỗi lần trốn học đi chơi, sau trở thành hiệu trưởng trường Nữ Trung Học Thánh Tâm Nha Trang, và đã nhận ra tôi ngay, và cho vào dạy mà không cần thủ tục điều tra lý lịch, khi tôi lò dò đến trường hỏi xin job. Có Đặng Tiến, nói tiếng Pháp lai giọng Quảng Nam, da vàng xanh như người bị sốt rét kinh niên, tóc bờm xồm không chải, ra trường, không hiểu sao lại được phục vụ ngành ngoại giao, tức phòng Thông tin Quốc ngoại tòa đại sứ VNCH tại Thụy Sĩ, và trước 1975, đào nhiệm qua Pháp sống cho đến bây giờ; Tiến rất giỏi Việt văn, là phê bình gia văn chương có hạng, và theo đuổi Thông Luận về VN nhiều lần, chuyên viết bài nịnh hót Việt Cộng trắng trợn. Có Đại úy Ngô Văn Minh, thỉnh thoảng mời tôi ra quán cơm Tây đường Lê Thánh Tôn ăn bíp-tếch, uống rượu vang, sau lên chức Đại tá Tham mưu trưởng Quân Đoàn III, Biên Hòa. Có Joséphine Lương Thị Nga, môi cười rất tươi, duyên dáng, lần nào

thèm ăn phở cũng rủ tôi đi cùng, trả tiền, và nói, tinh bơ: “Moa rủ toa đi cho người ta thấy moa có copain (bò), chứ con gái ngồi ăn một mình, ngượng lắm”. Có Monique Wang Seng, cô bạn Tàu, luôn mặc jupe serrée, người thon gọn, rất xinh. Có Bùi Thế Cần, Lê Thị Tuyết, Thái Thị Nhân, Lê Thị Bích, và Lê Ngọc Loan, v.v. Đặc biệt, Irène Công Huyền Tôn Nữ Phụng Tiên, đẹp như đầm lai –là đồng hương Nha Trang của tôi và đồng môn, cũng như hai cô đầm chính công Josette Hermel và Elisabeth Pineau, trong lớp Latin của thầy Jean Le Menn...

Đầu niên học, từ lâu ba, tôi và Bùi Thế Cần (học giỏi nhất lớp, con của cụ dân biểu Bùi Tuân, Huế) thường xuống lầu một, vào giảng đường Dự Bị, để tìm người quen giữa đám nai vàng ngơ ngác, hay, đúng hơn, tuyển mộ tân binh cho JÉCU (Jeunes Étudiants Catholiques Universitaires, Thanh Sinh Công Đại Học), mà tuyên úy là cha Bernard Pineau, dòng Đa Minh chi Lyon. Lúc ấy, Cần là trưởng JÉCU Liên Trường, Bộ Chỉ Huy đặt tại Cư xá Phục Hưng (đường Nguyễn Thông), Nguyễn Ánh Tuyết (con trai), tổng thư ký, còn tôi, trưởng Nhóm Văn Khoa Pháp. Thỉnh thoảng, tôi thấy đứng trước cửa giảng đường Dự Bị một sĩ quan đeo ba hoa mai bạc, đầu đội béret đỏ, tay cầm một xấp cua. Ông dáng cao gầy, vẻ thân thiện. Lần nào gặp ông, tôi cũng khẽ gật đầu chào, và ông lịch sự chào lại. Có người cho biết, đó là Đại tá Cao Văn Viên. Mấy năm sau, ông lấy bằng Cử Nhân Pháp, lên tướng, và trở thành xếp quá lớn của tôi. Có kẻ xấu mồm nói, ông nhờ người đi học và đi thi thay cho ông. Tôi không tin. Vì ở Văn khoa Pháp, thầy cô không phát cua, phải vào lớp ghi chép hoặc mượn ai, và kỷ luật thi cử lúc bảy giờ khá gắt gao, số sinh viên không nhiều, lại phải thi oral, thầy trò biết mặt nhau, rất khó gian lận.

Vào trong giảng đường, Cần và tôi ngồi lẫn lộn với đám tân sinh viên, nghe cha Pineau (thay cha Cras nghỉ hưu) giảng về Socrate và Hegel hay thầy Kiệt dịch tiếng Pháp ra tiếng Việt, mà phát mệt trở lại. Một hôm, hai đứa thấy Yvonne Lan Hương, cô bạn trong JÉCU, học dưới hai năm, đang ngồi trò chuyện với một cô. Bèn sà đến. Yvonne giới thiệu, đây Thủy, Ngô Đình Lệ Thủy... Lần đầu gặp Thủy, chúng tôi không nói gì hơn ngoài vài câu xã giao thông lệ.

Về sau, khi Lệ Thủy gia nhập JÉCU Văn khoa Pháp, tôi và Cần tiếp xúc với cô thường hơn, nhưng cũng chỉ để thông báo ngày giờ và chương trình họp của Hội. Cô có dáng thanh thanh, vẻ thùy mị, thông minh, ít nói, ít cười, đôi mắt linh hoạt, mặt trái soan, cằm hơi nhọn, tóc dày, cài bandeau trắng hoặc đỏ. Chúng tôi nói tiếng Pháp với nhau, cho nên bây giờ tôi không biết cô nói tiếng Việt ra sao, giọng miền nào. Đó là một điều mà sau gần nửa thế kỷ, già đi, nghĩ lại, tôi thấy cũng hơi “dị”, mặc dù bởi thói quen, giống như các em Việt Nam sinh trưởng ở Mỹ nói chuyện bằng Anh ngữ với nhau, kể cả hai đứa con tôi hiện nay, chứ chẳng vì lý do nào khác. Lệ Thủy thường mặc váy đỏ, áo sơ mi trắng đi học, đôi khi cả đồng phục Thanh Nữ Cộng Hòa. Nói chung, cô đẹp, nhưng không lồ lộ, sexy, hóp hờn người ta như Irène Phụng Tiên, không tươi lộng lẫy như Joséphine Nga. Một vẻ đẹp trang nhã, đài các, kín đáo. Tôi để ý, cô ở đâu là luôn luôn có một, hai

anh chàng gorilles (khí đột, hộ vệ), giả dạng sinh viên, ngồi phía dưới, cách cô hai dãy bàn, nhìn chòng chọc vào mọi người.

JÉCU Văn Khoa Pháp lâu lâu ra một tờ Bản Tin (Bulletin), dày độ 40-50 trang, bằng tiếng Pháp, do Bùi Thế Cần, Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Nương Minh Châu và tôi viết gần hết, vì không ai gửi bài. Trong đó, thỉnh thoảng có đăng một vài bài thơ tình lảm cẩm, vớ vẩn của tôi, không đối tượng, chỉ là gửi gió cho mây ngàn bay, mà bây giờ tôi còn nhớ lồm bồm vài câu:

*Je veux tremper mes lèvres
Dans l' eau pure de ton coeur
Et émerger frissonnant
D' une aube de lumière...*

*(Tôi muốn nhúng đôi môi
Vào nước tinh tuyền của tim em
Và bừng lên run rẩy
Dưới ánh sáng bình minh...).*

Hay vài câu dịch thơ của thi sĩ Anh John Keats, hoặc Tennyson, không nhớ nữa, đại khái:

*Ce n'est pas toi que je regrette
C'est le rêve par toi brisé*

*(Không phải em mà tôi tiếc nuối
Mà giấc mơ vì em vỡ tan)*

Lệ Thủy đọc báo xong, và dĩ nhiên mấy bài thơ ngắn của tôi, mày hơi nhú, bảo tôi, nghiêm nghị như một cô giáo la rầy học trò: “Je n' savais pas que tu es si romantique. Les poèmes d' amour, ça c'est vraiment beau, mais ils désespèrent aussi” (tôi không biết anh lãng mạn dữ thế. Những bài thơ tình hay thật, nhưng cũng làm người ta tuyệt vọng). Như một phản xạ tự nhiên, tôi khoát tay, áp úng chối tội như ăn vụng bị bắt quả tang: “Un peu, oui... mais j' ne les ai faits que pour m'amuser... Rien de sérieux!” (Chút chút, đúng... nhưng tôi chỉ làm để chơi vui thôi mà... Đâu có gì quan trọng!).

Lệ Thủy không bao giờ đến CLB Phục Hưng để họp, sinh hoạt với Nhóm, ngoại trừ một lần duy nhất, tham dự thánh lễ đầu tháng cho toàn JÉCU do cha Pineau cử hành, rồi về ngay sau lễ. Chúng tôi chỉ gặp nhau tại giảng đường Propédeutique, trong giờ nghỉ giữa hai lớp, năm sáu đứa ngồi ở một bàn cuối phòng, có khi tại bàn của Lệ Thủy, thảo luận, hay trao đổi vài tin tức cần thiết. Hai anh chàng khí đột, chắc đã được báo trước, đứng xa xa hút thuốc, để chúng tôi yên.

2. Một ngày thứ bảy, JÉCU Liên Hội tổ chức đi thăm trại cùi và nhà thương điên Chợ Quán, sau đợt công tác thăm viếng dân lao động nghèo tại Xóm Chùa cách đó mấy tháng. Mỗi người góp mười đồng, làm chi phí lặt vặt, và ăn trưa. Số tiền không nhỏ, hơn ba tô phở vào thời ấy, đối với ngân quỹ khiêm tốn của sinh viên còn lãnh lương cha mẹ. Lê Thủy đưa cho tôi một trăm đồng, trước mặt Cần và Yvonne, nói là tiền của “maman cho Hội”, nhưng “tiếc là bận việc bên Thanh Nữ Cộng Hòa, không đi với tụi toa được.” Tôi nhận tiền, cảm ơn, rồi nói nhỏ vào tai Cần: “Nhu thế cũng hay. Có Lê Thủy tham gia, hai gorilles phải đi theo, phiền phức lắm!”

Hôm ấy, tất cả chúng tôi, khoảng bốn chục người, chia nhau lên hai xe buýt, tuyến đường Chợ Bến Thành-Trần Hưng Đạo. Hoặc tự túc, có xe hơi riêng, như hai chị em Anh Thu và Hạp Thu, học Dược (chuyên lái xe bằng chân trần), hay “đại ca” Dược sĩ đã ra trường Hoàng Ngọc Tuệ (đang cộng tác với báo Người Việt). Tổ y tế gồm các sinh viên Y khoa, trang bị ống nghe và túi cứu thương, do Đinh Hà, gàn ra trường, hướng dẫn, làm công tác khám bệnh, phát thuốc. Tổ ăn uống (âm thực?) do Rosa, sau thành vợ của Nguyễn Ánh Tuyết, và người chị là Rosette, điều động. Tổ văn nghệ gồm một cây guitare và một số ca sĩ mầm non, do các cô bên Dược phụ trách; tôi nhớ có Yvette Trương Tấn Trung (mà khi được biệt phái cho phái đoàn Liên Lạc Quân Sự ở Phnom-Penh năm 1971, tôi bất ngờ gặp lại tại phi trường Pochengton, nơi vợ chồng cô có một tiệm pharmacie, cf. “Phnom Penh, Sirik Matak và những ngày tháng cũ”, 6/4/2014), Tôn Nữ Tâm Thường (có dược phòng tại Nam California và tôi một lần nói chuyện qua điện thoại), và Nguyễn Cẩm Nhung (con của Luật sư Nguyễn Văn Huyền, sau này nghe nói đi tu thành Mẹ Bề Trên của một nhà dòng Carmélite). Đi trong lần này, có nhóm Sư Phạm, gồm Trần Ngọc Báu (hiện ở Thụy Sĩ), Nguyễn Thanh Quan (hay Quang?), Trương Ân (sau này là Hiệu trưởng trường Cường Đê, Qui Nhơn). Bùi Thế Cần làm tổng tư lệnh, Ánh Tuyết phụ tá hành quân.

Đầu tiên chúng tôi thăm nhà thương điên. Toàn đàn ông. Vài ông, tóc dài rũ rượi, biểu diễn nhiều màn rất... điên, như xé áo xé quần, rú lên những tràng cười kinh dị, khiến các cô sợ quá, mặt mày tái mét. Nhưng đa số rất hiền, đứng nhìn chúng tôi đi qua, vẻ thẫn thờ, ngây dại. Tôi cười, chào, hỏi thăm, họ vẫn vô cảm. Rồi cả toán chuyển sang thăm trại cùi. Theo thói quen nghề nghiệp, Đinh Hà dọn sẵn mấy chai alcool, để tùy nghi. Bệnh nhân rất đông, chia thành khu, gồm cả con nít, trông rất tội nghiệp. Tôi không lạ với cảnh này, vì gần xóm tôi ở Nha Trang, khu Lạc Thiện, cũng có một trại cùi do các tu sĩ dòng Franciscains sáng lập và đảm nhiệm, nhưng lúc ấy tôi còn nhỏ, chỉ là một khán giả bàng quan, đi ngang tò mò đứng nhìn vào qua những vòng rào kẽm gai. Bây giờ, lần đầu tiên có dịp thấy tận mắt những thân hình gầy còm, lở loét, những bàn tay, bàn chân co quắp, hoặc mất ngón, những cặp mắt mờ đục, mù lòa. Và lòng dâng tràn một niềm cảm thương vô hạn. Tổ y tế bắt đầu khám, phát thuốc cho những bệnh nhân cùi bị cảm cúm, đau đầu, sổ mũi, do trường trại giới thiệu, yêu cầu. Các cô tập hợp những cháu bé lại, phát kẹo, tập

chúng hát theo nhịp đàn guitare của Ánh Tuyết, vỗ tay, rồi cười lớn tiếng với nhau. Vài cháu chưa bị nhiễm bệnh, mặt mày trông rất sáng sủa, thông minh, phải theo sống chung với cha mẹ.

3. Tháng sáu 1963, mãn trường. Bùi Thế Cần, Nguyễn Nương Minh Châu đậu Cử Nhân liền một khi. Tôi rớt oral chúng chỉ Văn chương Quốc âm –bắt buộc cho sinh viên Văn khoa Pháp và Anh– vì trong buổi thi vấn đáp với giáo sư Vương Hồng Sển tôi không nhớ Tôn Thọ Tường và Phan Văn Trị ông nào theo Tây, ông nào chống Tây, và đem thơ ông nọ cắm vào cằm ông kia. Với giáo sư Bửu Cầm, kết quả còn tệ hại hơn, tôi không biết “chiết tự” bốn câu thơ chữ Nôm của thi sĩ Tuy Lý Vương, đứng chịu chết như Từ Hải, nhìn thầy cười cầu tài. Phải thi lại hai môn vấn đáp này. Còn những nàng tiên nga trong đám xuân xanh ấy, mà tôi đã kể tên ở trên, chưa có ai theo chồng bỏ cuộc chơi, như trong thơ Hàn Mặc Tử, nhưng đã lần lượt lên đường du học Pháp một cách lặng lẽ từ năm thứ hai, thứ ba. Cần ra Huế. Tôi về quê Nha Trang, dạy tại Collège Français môn Việt văn, cũng nhờ cái chúng chỉ Văn chương Quốc âm khó ác ôn ấy.

Không bao giờ tôi gặp lại Lệ Thủy, đã biến mất, từ ngày cô trao cho JÉCU chúng tôi một trăm đồng của mẹ. Tôi biết cô cũng đã đậu Propédeutique, qua bản niêm yết dán trước cửa trường, với tên chính thức, đầy đủ: Anne-Véronique Ngô Đình Lệ Thủy, sinh năm 1945 tại Huế. Chiến sự mỗi ngày leo thang. Khủng hoảng chính trị gia tăng. Sinh viên và Phật tử xuống đường hàng ngày. Cảnh sát đàn chào với dùi cui và lựu đạn cay. Những tờ báo chui chửi thậm tệ chế độ. Làm tôi thấy lo lắng vì, qua Lệ Thủy, cảm tình của tôi với cụ Ngô Đình Diệm rất sâu nặng, không như một vài bạn JÉCU lớn tuổi hơn, chẳng hạn Nguyễn Hữu An, sinh viên Kiên Trúc. Lúc đó, tôi lờ mờ hiểu rằng thế nào bàn tay lông lá của Mỹ cũng đã nhúng vào nội bộ Việt Nam. Sau này, trong thời đại internet, nhờ những tài liệu đã được giải mật, sự thật phơi bày trọn vẹn, và ai cũng biết chính quyền Kennedy đã cố tình giết cụ Diệm để không bị cụ ngăn cản trong việc đưa quân Mỹ vào chiến đấu trực tiếp tại Việt Nam. Nhưng khi ấy tôi tin tưởng và cầu mong cụ sẽ vượt qua như lần đảo chánh hụt 1960. Nhiều biến cố xảy ra, dồn dập, sau đó. Lựu đạn nổ tại đài phát thanh Huế. Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu (hoặc bị thiêu theo video và những tài liệu được giải mật. cf. “Trần Lệ Xuân - Một thời sóng gió vè vang và nửa đời thảm lạng trong vinh diệu”, của Nguyễn Kim Lộc, Chicago, Illinois, được phổ biến trên Diễn Đàn “PhucHungViet” và “TuoiHac”, ngày 30/3/2018). Nữ sinh viên Quách Thị Trang biểu tình bị cảnh sát bắn chết tại chợ Bùng Binh Sài Gòn. Rồi đảo chánh. Ngày 2/11/1963, nghe tin hai anh em cụ Diệm bị giết, cha tôi ứa lệ, nghẹn ngào và trong giờ kinh tối bắt cả nhà đọc thêm kinh cầu hồn cho hai cụ. Còn tôi thấy lòng buồn vô hạn, suốt mấy bữa, mặc dù chưa hề nhận lãnh một ơn mưa móc nào từ chế độ. Lúc ấy Lệ Thủy đang ở ngoại quốc với mẹ trong chuyến công du giải độc. Liên sau đảo chánh, các phản tướng chia nhau tiền thưởng của CIA, nhảy đầm thả giàn, phá bỏ các áp chiến lược. Báo chí, sách vở (của anh chàng Hoàng Trọng Miên nào đó chẳng hạn), hùa theo các ký giả Mỹ, mở chiến dịch bôi nhọ gia đình họ Ngô, và bà Nhu, Lệ Thủy cũng bị dính miếng. Nào là bà Nhu có một

chiếc ghế kích dục, trong dinh Độc Lập, nhưng sự thực đó chỉ là chiếc ghế làm răng, hay làm tóc bình thường. Nào là ông Nhu bắt lức. Nào là bà Nhu tư tình với cụ Diệm, với ông tướng này, ông tướng nọ. Nào là Lê Thủy có nhiều bồ, kể cả một anh người Nhật, Lê Thủy thất tình, học Văn Khoa, chỉ ghi danh, không đến lớp mà cũng có bằng, v.v. Tôi đọc và thấy buồn nôn. Vô lý quá, vậy mà dân chúng ít học hoặc quá khích vẫn tin, thế mới kỳ lạ. Thì cũng giống như dân quê miền Bắc mười mấy năm sau, đã ném đá vào đám sĩ quan cải tạo chúng tôi một cách thật tình, la hét và nguyên rủa chúng tôi là “quân mọi rợ giết người, ăn thịt con nít, hiếp dâm phụ nữ.”

Công việc và đời quân ngũ làm tôi quên Ngô Đình Lệ Thủy. Kỷ niệm với JÉCU những ngày có cô cũng dần phai theo thời gian.

4. Cho đến đầu năm 1967. Từ Ban Mê Thuột, tôi được tăng phái cho Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 44 (của nhà văn Phạm Tín An Ninh, đồng hương Nha Trang lấy lòng), Sư đoàn 23 BB, trong chiến dịch Bình Định Nông Thôn tại quận Thiện Giáo (Ma Lâm cũ), nổi tiếng nguy hiểm nhất, thuộc tỉnh Phan Thiết... Ngày theo Tiểu đoàn đi hành quân tìm diệt địch, qua các thôn xóm, đêm đóng quân ven rừng, mắc võng giữa hai thân cây, nằm nghe tiếng đại bác ầm ì xa xa, nhìn hỏa châu từng hồi loé sáng trên núi Tà Dôm, mà thương cho kiếp lính tráng nay đây mai đó, trực diện cái chết cận kề. Một buổi trưa, tôi đang đứng nói chuyện với ông Đại úy Tiểu đoàn trưởng, Vũ Công Khanh (hiện ở Na Uy), một viên đạn rít ngang nón sắt, cách đầu tôi một đường tơ kẽ tóc, xuyên qua cổ anh binh nhất mang máy truyền tin PRC-25 đứng cạnh bên, làm anh ngã xuống, chết tại chỗ. Tên du kích bắn sẻ vụt bỏ chạy, bị lính Tiểu đoàn rượt theo và lãnh trọn một tràng carbine, phơi thây. Một người lính giận dữ chửi thề và muốn xẻo tai tên này để trả thù, tôi phải khuyên ngăn mãi, mới thôi. Cảnh tượng quá thảm cho bên này, bên kia. Tôi nghĩ thêm, những người lính chiến miền Nam, hơn ai hết, là những người thực sự yêu chuộng hòa bình, và vì yêu chuộng hòa bình họ phải hy sinh mạng sống đánh đuổi giặc xâm lược từ Miền Bắc. Nếu phải chống đối chiến tranh thì họ mới là những người có quyền lên tiếng trước tiên, chứ không phải những anh làm thơ, làm nhạc âm ớ ở hậu phương, sợ chết, trốn quân dịch, núp bóng các ông sĩ quan văn phòng cao cấp mê văn nghệ, để mà gào thét ngưng chém giết, nói vòng tay lớn, tay nhỏ. Rồi tại sao lại phản chiến một chiều? Tại sao không ra Bắc kêu gọi Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, hai tên sát thủ đầu sỏ nổi danh, ngưng gây hấn và tấn công Miền Nam? Tại sao chỉ to mồm lên án miền Nam là nơi đã cho họ cơm ăn, áo mặc, tự do sáng tác, tự do phản bội? Bao nhiêu câu hỏi cứ luẩn quẩn trong tôi, cho mãi đến hôm nay, khi những dòng nhạc dòng thơ góp phần làm mát nước ấy vẫn còn được yêu chuộng, mê man, và các tác giả được thổi bằng ống đu đủ lên tận mây xanh.

Nói tiếp về Ngô Đình Lệ Thủy. Một ngày cuối tuần và cuối tháng 4, 1967, tôi cùng với vài sĩ quan bạn được phép lên Phan Thiết, cách Thiện Giáo khoảng mười lăm cây số, bằng xe lam, để nghỉ xả hơi qua đêm, và nhậu bia với gà luộc. Tại quán bánh cặng “còn ướn sên sệt”, chúng tôi gọi mỗi người hai tô, mỗi tô hai mươi lăm cái, đổ đầy nước mắm,

ăn cho bõ những tháng ngày gian khổ trong rừng với cơm sậy, đồ hộp, nước bi đông ngăn đến tận óc. Tôi mua một tờ nhật báo, và giật mình đọc tin Lê Thủy đã chết trong một tai nạn xe hơi, đêm 12/4/1967, tại Pháp, chính xác tại Longjumeau, vùng Essonne, ngoại ô Paris. Chết tại chỗ. Lúc ấy cô vừa tròn hai mươi hai tuổi. Bài báo kể, ban đêm, cô lái xe nhỏ và bị một camion ngược chiều húc thẳng, đầu xe của cô nát bậy. Sau này, đọc trên tờ Time, số Friday April 21, 1967, thấy cũng đăng đúng tin ấy.

Mặc dầu tình cảm của tôi đối với cô, và ngược lại, chưa bao giờ thắm thiết, đong đầy, đủ để những giọt lệ trào dâng chan chứa, làm đắm vạt áo xanh của người Giang Châu Tư Mã cảm thương người kỹ nữ Tầm Dương thuở trước, tôi vẫn thấy bàng hoàng, xao xuyến. Tôi bỏ dở bữa nhậu đã từ lâu chờ đợi, ngồi thờ người, nghĩ đến những kỷ niệm thời sinh viên, JÉCU, những buổi họp tại giảng đường Văn Khoa, những bài thơ tình lảm cẩm và lời phê bình nặng ký của cô, một trăm đồng “maman cho”... Đêm về, qua cửa sổ một khách sạn Phan Thiết, tôi nhìn bầu trời xanh thẳm không gợn mây và nửa mảnh trăng mới mọc vàng úa trên ngọn Tà Dôm mà nhớ câu thơ của Mạc Đĩnh Chi khóc nàng công chúa Tàu:

*Y! Vân tán, tuyết tiêu
Hoa tàn nguyệt khuyết*

*(Ôi! Mây tán, tuyết tan
Hoa tàn, trăng khuyết).*

5. Hai tháng sau, tôi được lệnh thuyền chuyển đi Sư đoàn 22, Bình Định. Đáp chuyến bay Air VN đến Sài Gòn trước, dự trù ở chơi vài hôm, rồi về Nha Trang nghỉ phép một tuần, trước khi ra Bà Gi (Qui Nhơn) đáo nhậm đơn vị mới. Hành trang là túi ba lô và cây carbine đeo vai, cây Colt bên hông, và bộ quân phục mặc trên người. Trong chuyến bay có một số sĩ quan trẻ từ các đơn vị tác chiến về, cũng trang bị súng ống đến tận răng như tôi, báo hại các cô tiếp viên phải gom hết lại, đem cất đi một nơi phía sau phi cơ.

Ở Sài Gòn, trong dịp này, tôi được một cô bạn học cũ, ở Pháp về chơi, cho biết Irène Phụng Tiên đã lấy chồng, đang học ở Grenoble, quê hương của Stendhal –tác giả mà tôi yêu mến từ thời trung học. Hai mươi năm sau, 1987, từ Mỹ, tôi được học bổng và chọn đi tu nghiệp một năm Sư phạm Pháp tại Đại Học Grenoble, với lý do chính là sẵn dịp tìm tài liệu tại chỗ cho luận án về văn sĩ Stendhal. Tại đây, tôi mở những trang điện thoại (annuaire), rà tìm hết các tên Việt Nam, không thấy, nhưng vẫn hy vọng gặp lại Irène, bất ngờ, đâu đó, một ngày nào. Thành phố Grenoble lớn hơn Pleiku một chút, không đến nỗi đi “dăm ba phút quay về chôn cũ” (thơ Vũ Hữu Định), nhưng ngày đó ở cùng một thành phố mà còn vô duyên đối diện bất tương phùng, như lời cổ nhân, thì nói chi bây giờ, cách xa một đại dương mù khơi. Irène không Công giáo, nên không thể gặp tại các nhà thờ. Đi thư viện, vào những quán ăn VN, trên đường nhìn chằm chằm, hay bước theo, những phụ

nữ Á Châu hay An-Nam có dáng dấp của Irène ngày trước... Không ăn thua. Cuối cùng, đành bỏ cuộc.

Rồi đến cái chết của Ngô Đình Lệ Thủy, đề tài không tránh khỏi. Cô bạn kể:

- Tại Paris, tụi moa có đi viếng xác Lệ Thủy và dự lễ cầu hồn và đưa nó ra nghĩa trang. Đầu Lệ Thủy bị kính trước cắt gần lia cổ. Khi liệm, được khâu lại và quàng bằng chiếc khăn lụa màu thiên thanh, trông mặt nó đẹp quá, thanh thản như một thiên thần. Bà Nhu từ Rome bay sang, ôm xác con mà khóc ngất, khiến tụi moa cũng khóc theo. Chiếc xe bị nạn là chiếc Peugeot còn mới do Tổng giám mục Ngô Đình Thục mua cho Lệ Thủy. Tài xế xe camion không việc gì cả, bị thẩm vấn qua loa, rồi cho về.

Tôi hỏi:

- Lệ Thủy học trường nào ở Paris?
- Trường Luật.
- Tụi toa có gặp Thủy lần nào trước đó?
- Thịnh thoảng. Thủy vẫn gentile (dễ thương) như trước kia.

Tôi bỗng thở dài:

- Tội nghiệp nó quá! Đúng là hồng nhan bạc phận!

6. Nếu còn sống, năm nay (2010), Lệ Thủy cũng đã 65 tuổi. Quá khứ xa rồi, nhưng khi ngồi viết bài này, tôi vẫn thấy lòng bồi hồi, bởi kỷ niệm. Tôi vẫn nhớ lời cô “la rầy” tôi một lần về những bài thơ tình làm tuyệt vọng... Và hôm nay tôi sửa lại câu thơ ngày đó, vẫn không có đối tượng:

*C'est bien toi que je regrette
Ce n'est pas le rêve par toi brisé*

*(Chính em mà tôi tiếc nuối
Không phải giấc mơ vì em vỡ tan)*

Nhưng trong một nghĩa nào, vì mang bệnh kinh niên lãn mạn, tôi nghĩ rằng mỹ nhân Ngô Đình Lệ Thủy mất sớm như vậy cũng hay. Để mãi mãi được xinh đẹp, trẻ trung, dễ thương. Và để không bao giờ cho thế gian thấy tóc mình bạc màu.

Portland, viết xong ngày 2/4/2010, Mùa Phục Sinh,
Gửi lại, Ngày Lễ Phục Sinh, 1/4/2018
Kim thanh



Tác giả ghi chú:

Bài này đã được bạn tôi, LS Trương Phú Thứ, Seattle, WA (người đã được bà Ngô Đình Nhu ủy thác nhiệm vụ dịch và hiệu đính tập hồi ký bằng tiếng Pháp của bà), gửi qua email cho bà, lúc ấy còn sống ở Paris, xem trước khi phổ biến. Theo lời anh Thứ, bà Nhu đã đọc và nói qua điện thoại: “Hay lắm, cho tôi gửi lời cảm ơn anh Quý”.

Nguồn: Internet eMail by MĐ Trịnh Tường Vân, TĐ50CTCT/SĐND-QLVNCH chuyển

Đăng ngày Thứ Bảy, April 7, 2018
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH